

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

Năm báo cáo 2018 (thời điểm 31/12/2018)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch Công ty cổ phần cấp nước Sơn La; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5500154649
- Vốn điều lệ: 62.096.300.000 đồng; - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 62.096.300.000 đồng
- Địa chỉ : Số 55 - đường Tô Hiệu - TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Số điện thoại: 02123.854.837; - Số fax: 02123.854.539
- Website: capnuocsonla.vn; - Email: sowasucom@gmail.com
- Mã cổ phiếu: NSL

Quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử hình thành và phát triển: Công ty được thành lập năm 1963, nhà máy có công suất khoảng 1.200 m³/ngày, việc cải tạo hoàn tất vào cuối năm 1988 nhà máy được nâng công suất lên 2.400 m³/ngày

Đến cuối năm 1995, sau khi hoàn thành dây chuyền lắng lọc bổ sung và cải tạo trạm bơm cấp 2, nhà máy nước Bó cá được nâng công suất lên lên 5.000 m³/ngày.

Đối với tình hình quản lý ngành nước trong tỉnh: Trước năm 1993, UBND các huyện đã thành lập và trực tiếp quản lý các tổ phục vụ cấp nước cho từng thị trấn, với quy mô hoạt động rất nhỏ và công nghệ lạc hậu. Khi triển khai Nghị định 388/HĐBT của Chính phủ, Công ty đã từng bước tiếp nhận các bộ phận cấp nước này, từng bước đầu tư cải tạo nâng cấp, nâng cao dần chất lượng cung cấp dịch vụ và tiến tới ổn định sản xuất kinh doanh. Đến nay, đã trực tiếp quản lý các Chi nhánh cấp nước của 11/12 thị trấn trong tỉnh và đang là một trong số các Công ty cấp nước trong toàn quốc thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này.

Năm 1998 có thể coi là một bước ngoặt lớn trong cả chặng đường xây dựng và phát triển của ngành cấp nước đô thị tỉnh Sơn la, được đánh dấu bằng sự ổn định trong sản xuất kinh doanh và khởi đầu cho dự án Hiện đại hoá hệ thống cấp nước thị xã.

Công suất cấp nước: từ 12.000 tăng lên 40.000 m³/ngày, đủ khả năng phục vụ cho nhu cầu sử dụng của các đô thị trong tỉnh.

Địa bàn hoạt động: bao gồm các phường nội thị và tiểu khu ven thị xã cùng với 10 thị trấn, 04 thị tứ khác. Với quy mô từ 8.500 hộ dùng nước (1998) tăng lên trên 51.146 hộ (năm 2018), tương đương 230.000 dân (trong đó 95% dân cư đô thị được cấp nước sạch).

Sản lượng nước thương phẩm: Năm 2018 đạt sản lượng 10.1 triệu m³.

Tỷ lệ thất thoát nước: Trong khoảng 5 năm gần đây công ty đã cải tạo lại hệ thống mạng lưới, tỷ lệ thất thoát nước hiện nay khoảng 11-12%.



Lao động, việc làm và thu nhập: do mở rộng địa bàn phục vụ và năng động trong kinh doanh, đã đảm bảo việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định ở mức 8.200.000 đ/người/tháng cho 223 lao động.

Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La là một trong số các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, nay được từng bước chuyển sang hoạt động kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết TW 3 từ 1/5/2005 công ty chính thức hoạt động với tên mới Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La, có nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của cán bộ và nhân dân trên địa bàn thị xã và các thị trấn huyện lỵ trong toàn tỉnh. Trong giai đoạn từ 1998 đến nay, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền trong tỉnh, nhờ phát huy được sức mạnh của tập thể người lao động trong đơn vị, hoạt động của Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực, được các cơ quan quản lý cũng như đại đa số khách hàng sử dụng nước ghi nhận.

Khác với nhiều đồng nghiệp ở các địa phương, Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La chỉ thực hiện nhiệm vụ cấp nước cho các đô thị và cụm dân cư tập trung trong tỉnh (gồm cả các thị trấn huyện), nhiệm vụ thoát nước được tỉnh giao cho Công ty Môi trường Đô thị.

Thông tin chủ yếu về hoạt động của doanh nghiệp năm 2018 như sau:

- + Công suất thiết kế : 40.000 m³/ngày; Công suất khai thác: 33.000 m³/ngày
- + Số địa bàn quản lý : Thành phố Sơn La + 10 Thị trấn + 4 Thị tứ
- + Tổng số khách hàng : 51.146 đồng hồ các loại (tương đương 230.000 dân, chiếm 95% dân số đô thị của tỉnh)
- + Sản lượng nước ghi thu : 10,1 triệu m³; Doanh thu tiền nước: 112,7 tỷ đồng
- + Tỷ lệ thất thoát nước : 11 %.
- + Thu nhập bình quân : 8,2 triệu đồng/người/tháng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 5500154649 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/04/2005, cấp thay đổi lần 6: ngày 09/08/2017 ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cấp nước;	3600
2	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công công trình cấp nước đô thị và nông thôn;	4390
3	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước;	9321
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây dựng các công trình dân dụng;	4290
5	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước;	7020
6	Xây dựng nhà các loại;	4100
7	Sản xuất, kinh doanh nước sạch; sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình.	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực các đô thị và vùng ven đô thị tỉnh Sơn La

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Cơ cấu bộ máy quản lý

✚ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

✚ Hội đồng quản trị

HĐQT Công ty gồm 07 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có hai Đại diện theo Pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3.	Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT
4.	Ông Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT
5.	Ông Nguyễn Văn Tôn	Thành viên HĐQT
6.	Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên HĐQT
7.	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT

✚ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát: là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Danh sách thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Trần Quyết Chiến	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên BKS
3.	Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên BKS

✚ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Bùi Văn Đỉnh	Tổng Giám đốc
2.	Ông Lương Thế Công	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc

✚ Các phòng chức năng

Phòng kế hoạch kỹ thuật: Giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành kế hoạch và kỹ thuật sản xuất và kinh doanh nước sinh hoạt, nước uống đóng bình, giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành các dự án đầu tư xây lắp công trình.

Phòng quản lý chất lượng: Kiểm soát chất lượng nước sinh hoạt và nước tinh khiết tại thành phố, hướng dẫn, kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn các chi nhánh thuộc công ty. Tham mưu giúp việc trong công tác cấp nước an toàn. Chức năng thư ký ISO 9001:2015 & ISO 22000-2007.

Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý các hoạt động Tài chính như: quản lý vốn và sử dụng vốn; quản lý tài sản, sử dụng tài sản; quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh; quản lý sử dụng và phân phối lợi nhuận; lập, tổ chức thực hiện kế hoạch Tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán; và thực hiện nghĩa vụ thuế trong toàn Công ty với Nhà nước.

Phòng Quản lý khách hàng: Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khách hàng sử dụng nước toàn công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác chỉ đạo chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý và kiểm định đồng hồ đo nước.

Phòng Kiểm toán nội bộ: Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các hoạt động tài chính kế toán nội bộ, kiểm tra, xác nhận và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ công ty. Tham

gia hoạt động chứng khoán, công bố thông tin.

Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tổ chức – nhân sự của Công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực hành chính của Văn phòng Công ty.

✦ Các xí nghiệp

Xí nghiệp cấp nước 1: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán, quản lý và tổ chức các dịch vụ bơi lội.

Xí nghiệp cấp nước 2: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

Xí nghiệp xây lắp: Tổ chức thi công, xây dựng các công trình dự án của công ty, lắp đặt công trình cấp nước phát triển khách hàng mới, cung ứng vật tư để phục vụ công tác sản xuất nước lọc tinh khiết như: bình, nhãn mác, vòi, sản xuất nước uống tinh khiết và quản lý kho nước thành phẩm, tiêu thụ sản phẩm nước tinh khiết.

Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

✦ Các chi nhánh cấp nước tại thị trấn huyện

Các chi nhánh tại thị trấn huyện: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

✦ Các công ty con, công ty liên kết Danh sách những công ty mẹ, công ty con và Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La có 01 công ty liên kết, thông tin về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết: Công ty Cổ phần VBIC Sơn La

Địa chỉ: 55 Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

Vốn điều lệ đã góp tại Công ty Cổ phần VBIC Sơn La: 8.000.000.000 đồng, tỷ lệ: 28,57%

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cấp nước;

4. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chính:

- Phát triển nhanh, bền vững, đáp ứng nhu cầu nước sạch phục vụ tốt nhu cầu dân sinh và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.
- Sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích cho người lao động và quyền lợi của các cổ đông.
- Phần đầu thực hiện các mục tiêu chương trình quốc gia đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt đó là:
- Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng CP)
- Chương trình quốc gia chống thất thu thất thoát đến năm 2025 (QĐ số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng CP)

- Tích cực triển khai công tác cấp nước an toàn theo thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ xây dựng.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2015-2020

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Hiện tại 2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng cộng
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 M3	10.000	10.500	11.000	11.500	12.000	12.500	57.500
3	Tỷ lệ thất thu thoát	%	17	16	15	15	14	13	
4	Số lượng khách hàng	đồng hồ	45.000	47.000	49.000	51.000	54.000	57.000	
5	Tỷ lệ dân nội thị được cấp nước	%	95	96	97	98	99	100	
6	Tỷ lệ dân ven nội thị được cấp nước	%	15	20	30	60	80	100	
7	Cải tạo và sửa chữa mạng lưới cấp nước	Km		45	45	45	45	45	225
8	Đầu tư BX và mở rộng mạng lưới cấp nước	Km		20	20	20	20	20	100
9	Đầu tư cải tạo và nâng CS nguồn nước	M3/ngày	44.000	47.000	50.000	54.000	58.000	62.000	
10	Đầu tư bổ xung CS nguồn nước	M3/năm		3.000	3.000	4.000	4.000	4.000	18.000

- Số hộ khách hàng và sản lượng nước thương phẩm bình quân mỗi năm tăng 5%
- Tỷ lệ dân nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2019 là 100%.
- Tỷ lệ dân ven nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2020 là 100%.
- Kiểm soát thất thoát bền vững đến 2020 đạt tỷ lệ <10%.
- Cải tạo và sửa chữa mạng lưới cấp nước mỗi năm khoảng 45 Km.
- Đầu tư phát triển mạng lưới đường ống để mở rộng địa bàn mới mỗi năm 20Km.
- Đầu tư cải tạo đổi mới công nghệ và nâng công suất nguồn nước (cả bổ sung mới) mỗi năm 3000-4000 M3/năm.

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NHIỆM KỲ 2015-2020

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Hiện tại 2015	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	100.000	111.000	125.000	142.000	159.000	179.000	
2	Giá nước	đ/m3	10.000	10.000	10.800	11.700	12.600	13.600	
3	Tổng chi phí	triệu đồng	94.254	97.985	109.880	123.621	137.783	151.500	
4	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	5.746	13.015	15.120	18.379	21.217	27.500	
5	Thuế thu nhập DN phải nộp	triệu đồng	287	651	756	1.838	2.122	5.500	
6	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	5.459	12.364	14.364	16.541	19.095	22.000	
7	Trích lập các quỹ:		45	2.459	5.564	6.464	7.441	8.595	9.900
	+ Quỹ dự trữ bất buộç theo qui định tại điều lệ công ty (%)		5	273	618	718	827	955	1.100
	+ Quỹ đầu tư phát triển (30% LN sau thuế)		30	1.640	3.710	4.310	4.960	5.730	6.600
	+ Quỹ phúc lợi và khen thưởng (tối đa 10% LN sau thuế)		5	273	618	718	827	955	1.100
	+ Quỹ khác do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định (%)		5	273	618	718	827	955	1.100
8	Tổng tiền cổ tức	triệu đồng	3.000	6.800	7.900	9.100	10.500	12.100	
9	Tỷ suất LN trước thuế vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	5	11	12	13	14	15	
	Thuế suất thuế thu nhập DN		5%	5%	5%	10%	10%	20%	
10	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)		60.596	62.200	65.900	70.200	75.200	80.900	87.500
11	Tỷ lệ tăng vốn chủ sở hữu mỗi năm (%)		3	6	7	7	8	8	

Kế hoạch chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2016 - 2020 phấn đấu đạt như sau:

- Doanh thu mỗi năm tăng khoảng từ 11-13% (trên cơ sở tăng sản lượng và tăng giá bán dự kiến)
- Lộ trình tăng giá nước mỗi năm tăng tối thiểu 8% (từ 800-1000đ/m3; bởi riêng tỷ lệ mức lạm phát hàng năm đã khoảng 5%, chưa kể chênh lệch tỷ giá và chi phí vay vốn đầu tư các DA mới để phát triển).
- Lợi nhuận trước thuế mỗi năm >15%
- Trích lập các quỹ bằng 45% lợi nhuận sau thuế, trong đó ưu tiên quỹ dự trữ và quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế).
- Phấn đấu tỷ lệ cổ tức từ 2016 trở đi là 11% và mỗi năm tăng tối thiểu 1%.
- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu với tỷ lệ tăng hằng năm 6-8%.

b. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Năm 2018: Tập trung triển khai các dự án đầu tư ở địa bàn Thành phố: Hồ lã và dự trữ nước thô; Tuyến ống truyền tải dọc kè suối Nậm La. Các dự án này là một trong những giải pháp nhằm đảm bảo cấp nước an toàn đồng thời cũng là để phục vụ cho các khu đô thị mới hình thành theo quy hoạch của Thành phố. (Cùng với DA này là Liên doanh SVBIC phải đầu tư nâng công suất nhà máy Nậm la từ 2500 m³/ngày lên 5000 m³/ngày).
- Tiếp tục đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, liên tục cải tiến và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng nước, chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn, tiến đến cấp nước an toàn đạt các tiêu chí theo quyết định số 1566/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ.
- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chủ trương thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quyết định số 58/2016/QĐ/TTg ngày 28-12-2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020.
- Công tác tổ chức:
 - + Thực hiện tốt công tác quy hoạch, luân chuyển và tạo nguồn cán bộ.
 - + Duy trì việc thực hiện các nội qui, qui định của công ty.
 - + Thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật kịp thời.
- Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:
 - + Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ để các đơn vị thực hiện đúng pháp luật nhà nước và quy định của Công ty.
 - + Đổi mới công tác giao ban tại các đơn vị sản xuất cũng như công ty để xử lý kịp thời, dứt điểm các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - + Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.
- Công tác giảm nước thất thoát, thất thu:
 - + Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát, áp dụng các giải pháp đồng bộ, hiệu quả và có tác dụng bền vững.
 - + Ứng dụng tin học và công nghệ mới cho công tác chống thất thoát.
 - + Có kế hoạch đào tạo đội ngũ nhân viên được tiếp cận, học hỏi và ứng dụng thành thạo phương pháp và trang thiết bị hiện đại dùng cho công tác chống thất thoát thất thu.
- Công tác cấp nước an toàn:
 - + Tập trung cao cho công tác cấp nước an toàn ở phạm vi toàn công ty, mỗi đơn vị phải xây dựng được kế hoạch cấp nước an toàn để thực hiện. Có giải pháp ngăn ngừa các nguy cơ mất an toàn đối với nguồn nước, mạng lưới và chất lượng sản phẩm.
 - + Đầu tư cải tạo nâng cấp các trạm xử lý, trang bị các thiết bị kiểm soát chất lượng nước để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Công tác tài chính:
 - + Đảm bảo công tác tài chính thực hiện các nhiệm vụ của Công ty.
 - + Cải tiến nâng cao chất lượng của công tác kế toán quản trị nhằm đáp ứng các mục tiêu.
- Công tác lao động và tiền lương:

Làm tốt công tác quản lý và sử dụng lao động trong toàn công ty, duy trì từ việc thực hiện các nội quy, quy định của công ty đến việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước quy định như Luật lao động, chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

Rà soát lại các định mức lao động, đơn giá khoán, áp dụng phù hợp với từng thời điểm và điều kiện sản xuất của từng đơn vị để đảm bảo bình đẳng và khuyến khích được người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hiệu quả làm việc

5. Các rủi ro

a. Rủi ro về kinh tế.

Việt Nam là nước có tốc độ phát triển cao và ổn định trong những năm vừa qua. Năm 2006 Việt Nam gia nhập tổ chức WTO đã tạo ra rất nhiều cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và của ngành dịch vụ nói riêng.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thì vấn đề nước sạch ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chính phủ Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách nhằm phát triển ngành.

Trong xu hướng hội nhập thì vấn đề về nước sạch ngày càng trở nên thiết yếu và quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam.

Do vậy có thể nói hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

b. Rủi ro về luật pháp.

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Hệ thống pháp luật kinh doanh nói chung còn thiếu đồng bộ, cơ sở pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước sạch.

c. Rủi ro đặc thù.

- Rủi do về cạn kiệt nguồn nước: Là tỉnh miền núi, nguồn nước địa bàn khan hiếm về mùa khô, trong một vài thời điểm nguồn nước không đủ cung cấp.

- Rủi do về ô nhiễm nguồn nước: Các nguy cơ ô nhiễm do các cơ sở sơ chế cà phê của thành phố 1; Khai thác tài nguyên gây nhiễm đục nguồn nước, lạm dụng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch nên phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân.

d. Rủi ro khác.

- Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai lũ lụt, hỏa hoạn, dịch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH								
Năm 2018								
TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017	KH 2018 (%)	So 2018/2017 (%)	So với KH 2018 (%)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	118.212.923.497	119.354.730.745	119.985.111.000	99%	99%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0			
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		118.212.923.497	119.354.730.745	119.985.111.000	99%	99%
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86.711.927.591	92.640.044.776	94.936.783.000	94%	91%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.500.995.906	26.714.685.969	25.048.328.000	118%	126%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.887.652.785	38.569.114	38.569.000	4894%	4894%
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	2.839.091.880	1.854.637.796	0	153%	
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.346.304.278</i>	<i>1.464.213.525</i>		160%	
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	0			
8.	Chi phí bán hàng	25		0	0			
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	11.143.714.064	11.865.039.237	12.000.000.000	94%	93%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.405.842.747	13.033.578.050	13.086.897.000	149%	148%
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	431.510.065	416.105.987	0	104%	
12.	Chi phí khác	32	VI.7	26.640.628	106.706.288	0	25%	
13.	Lợi nhuận khác	40		404.869.437	309.399.699	0	131%	
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.810.712.184	13.342.977.749	13.086.897.000	148%	151%
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.041.955.435	929.191.793	654.344.850	220%	312%
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0			
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.768.756.749	12.413.785.956	12.432.552.150	143%	143%
18.	<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	70	VI.8	<i>2.861</i>	<i>1.974</i>	<i>2.052</i>	<i>145%</i>	<i>139%</i>
19.	<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	71	VI.8	<i>2.861</i>	<i>1.974</i>	<i>2.052</i>	<i>145%</i>	<i>139%</i>

+Doanh thu so với năm 2017 thì :

Tổng doanh thu đạt 118,644 tỷ, giảm 0,9% so với năm 2017, và giảm 1,1% so với KH - chỉ đạt 98,9% . Trong đó:

- + Doanh thu cấp nước là 112,17 tỷ, chiếm 94,5%
- + Doanh thu lắp đặt nhỏ là 2,65 tỷ, chiếm 2,2%
- + Doanh thu dịch vụ bơi lội là 0,376 tỷ, chiếm 0,3%
- + Doanh thu SX nước lọc là 1,334 tỷ, chiếm 1,1%
- + Doanh thu khác chiếm 1,8%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Bùi Văn Đính	Thành viên
5	Nguyễn Văn Tồn	Thành viên
6	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
7	Lê Văn Tuấn	Thành viên

2.1.1. Ông NGUYỄN TRỌNG HIẾU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/12/1973
- Nơi sinh: Thanh Oai – Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: SN 11, Ngõ 44, Phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- CMND số: 011896161 - Nơi cấp: CATP Hà Nội Ngày cấp: 3/7/2006
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Công ty Cổ phần Hawaco Tổng Giám đốc
 - + Hội Cấp thoát nước Việt Nam: Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Tài chính
 - + Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình: Thành viên HĐQT
 - + Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng: Chủ tịch HĐQT
 - + Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: Thành viên HĐQT
- Công ty đầu tư KD nước sạch Việt Nam Thành viên HĐQT
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 – 2001	Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu - Tổng Công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam Viwaseen – Bộ Xây dựng	Chuyên viên
2001 – đến nay	Công ty Cổ phần Hawaco	Tổng Giám đốc
2010 – đến nay	Hội Cấp thoát nước Việt Nam	Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Tài chính
6/2017 – đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình	Thành viên HĐQT
12/2017 – đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Chủ tịch HĐQT
2015 – 11/2018	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Tổng giám đốc
12/2018– đến nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: không
 - + Sở hữu đại diện: Công ty CP đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: 4.026.756 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 64,84% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.1.2. Ông LƯƠNG THẾ CÔNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/8/1964
- Nơi sinh: Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 6, phường Quyết Thắng, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050228311 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 28/6/2007
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó chủ tịch HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1989-11/1990	Xí nghiệp điện nước Mai Sơn	Tổ trưởng xây lắp;
12/1990-04/1993	Xí nghiệp công nghiệp nước Mai Sơn	Cán bộ kỹ thuật;
05/1993-02/1997	Phòng kế hoạch kỹ thuật; Công ty Cấp nước Sơn La	Cán bộ
03/1997-09/1997	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội phó đội xây lắp
10/1997-06/1998	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội trưởng đội xây lắp
07/1998-03/1999	– kỹ thuật Công ty Cấp nước Sơn La	Phó phòng kế hoạch
04/1999-02/2000	Xí nghiệp cấp nước Thị xã Sơn La	Phó giám đốc
03/2000-06/2001	Ban chủ nhiệm dự án hiện đại hóa HTCN Thị xã Sơn La	Thành viên
07/2001-11/2003	Phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng phòng
12/2003-9/2004	Ban quản lý các dự án cấp nước Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng ban
Từ 01/9/2004- 5/2005	Công ty Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc
Từ 5/2005- đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: 10.740 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: 620.963 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của UBND tỉnh Sơn La tại CTCP Cấp nước Sơn La), tương đương 10% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu của người có liên quan: không

- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.1.3. Ông NGUYỄN VĂN BÁ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 4/11/1963
- Nơi sinh: Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tiểu khu 4, Thị trấn Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050367435 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 10/8/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1983 -1986 đi bộ đội	Trường hạ sỹ quan quân đoàn 3	Thiếu úy
1986- 1988	Công ty XD Mộc Châu	Công nhân
1988 -1993	Xí Nghiệp Cơ khí diên, nước MC	Công nhân
1993 -2005	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Phó chi nhánh
2005 - 2015	Chi nhánh cấp nước MC	Giám đốc chi nhánh
2015 – đến nay	Văn phòng Công ty CPCN Sơn la	Phó tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 11.110 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: 620.963 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của nhà nước tại CTCP Cấp nước Sơn La), tương đương 10% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.1.4. Ông BUI VĂN ĐÌNH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/3/1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường chiềng lè, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050319911 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 9/6/2008
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP SVBIC
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1982 – 5/1988	Ủy ban XD CB tỉnh Sơn la	Nhân viên
6/1988 – 3/1989	Sở xây dựng Sơn la	Nhân viên
4/1989 – 3/1990	Công ty XD I Sơn la	Phó phòng KHKT
4/1990 – 7/1993	Công ty XD I Sơn la	Trưởng phòng KHKT
8/1993 – 4/2005	Công ty cấp nước Sơn la	Phó giám đốc
5/2005 – 6/2012	Công ty CP cấp nước Sơn la	Giám đốc
7/2012 – 11/2015	Công ty CP cấp nước Sơn la	Chủ tịch HĐQT
12/2015 – đến nay	Công ty CP cấp nước Sơn la	Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 10.740 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: không
 - + Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.1.5. Ông NGUYỄN VĂN TÓN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/02/1970
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội
- CMND số: 017016175 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 17/05/2013
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Chuyên ngành cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần nước sạch Vinaconex
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 - 2002	- Nhà máy nhiệt điện Phả Lại - Nhà máy kính Đáp Cầu	Chỉ huy trưởng Kỹ sư giám sát
2002 - 2006	Tổng công ty Vinaconex	Chuyên viên
2006 - 2009	Nhà máy nước Dung Quất	Giám đốc
2009 - nay	Công ty Cổ phần nước sạch Vinaconex	Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:

- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.1.6. Ông NGUYỄN VĂN HỒNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/1/1967
- Nơi sinh: Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 50, ngõ 105, tổ 45, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 011751556 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 2/11/2006
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty cổ phần MILLS Việt Nam
 - + Tổng giám đốc Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam (VBIC)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 04/1990 – 12/2014	Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam	Giám đốc trung tâm/Chi nhánh kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước
01/2015 – nay	Công ty CP Mills Việt Nam	Giám đốc Công ty
8/2015 – nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên HĐQT
11/2018- nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.1.7. Ông LÊ VĂN TUẤN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 03/10/1972
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 19 Vĩnh Hưng – Hoàng Mai – Hà Nội
- CMND số: 038072000008 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 12/04/2013
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước; Thạc sỹ Quản lý môi trường
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 – 1996	Công ty xây dựng và cấp thoát nước Waseenco	Cán bộ
1996 – 2006	Xí nghiệp tư vấn môi trường – Công ty Nước và môi trường Việt Nam	Phó Giám đốc XN
2004 – 2005	Công ty TNHH cấp nước Yên Lập (Cty VIWASE và Cty thi công cấp nước Quảng Ninh góp vốn đầu tư)	Hội đồng thành viên
2006 – 2008	Công ty cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	Giám đốc
2008 – 2010	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển An Việt	Giám đốc
2009 – nay	Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.2. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Văn Đính	Tổng giám đốc
2	Lương Thế Công	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng giám đốc
4	Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng giám đốc

Ban tổng giám đốc là 3 thành viên thuộc Hội đồng quản trị. Phân trích ngang đã nêu tại lý lịch trích ngang Hội đồng quản trị.

2.2.1. Ông PHẠM NGỌC DŨNG

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh: 11/9/1981
- Nơi sinh : Thành phố Sơn La- tỉnh Sơn La
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Chiềng Lè - Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Chứng minh thư nhân dân số: 050391652 Nơi cấp: Công an Sơn La; Ngày cấp: 07/11/2016
- Điện thoại liên hệ: Cơ quan: 02123854837 (814) Di động: 0912548181
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức: Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/2005 - 9/2010	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Sơn La	Nhân viên
Từ 10/2010-02/2012	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng-Sở Xây dựng Sơn La	Nhân viên
Từ 3/2012-02/2014	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Phó phòng KHKT
3/2014 – 5/2015	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Trưởng phòng chống thất thoát
6/2015-01/2016	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Trưởng phòng KHKT
02/2016-6/2017	Công ty cổ phần SVBIC Sơn La	Giám đốc ban QL dự án hệ thống cấp nước hồ bản Mòng
7/2017-7/2018	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Giám đốc Xí nghiệp cấp nước TP số 1
8/2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 4.550 cổ phần, tương đương 0,07% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

2.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Quyết Chiến	Trưởng ban
2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Nguyễn Quang Huy	Thành viên

2.3.1. Ông TRẦN QUYẾT CHIẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/8/1973
- Nơi sinh: Ứng Hòa, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: : Tổ 6, P Chiềng Lê, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050311705 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 17/6/2015

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP SVBIC Sơn La
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
19/12/1990-12/1994	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Nhân viên
12/1994-8/1996	Công ty xí măng Sơn La	Kế toán viên
8/1996-1/19997	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Kế toán viên
1/1997-nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	-Nhân viên kế toán -Phó phòng kế toán -Trưởng ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 11.290 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,18% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan: Cao Thị Oanh sở hữu 2.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,03% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là vợ)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.3.2. Ông NGUYỄN QUANG HUY

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/10/1983
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P318-C4-Vĩnh Hồ - Đống Đa - Hà Nội
- CMND số: 001083005785 - Nơi cấp: CA TP Hà Nội Ngày cấp: 12/01/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Tài Chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kiểm soát viên
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005 - 2010	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Trưởng nhóm
2011 - 2012	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch VIWACO	Phó Giám đốc tài chính

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012 - 2015	Công ty CP Đầu tư Xuất Nhập Khẩu Thuận Phát	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
2015 – 2017	Công ty TNHH Nông nghiệp VinEco – Tập đoàn Vingroup	Kiểm soát tài chính
2017 – nay	Công ty CP Viwaco	Chuyên gia tài chính – Ban tài chính kế hoạch

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng:

2.3.3. Ông BÙI HỒNG NAM

- Giới tính: : Nam
- Ngày sinh: 09/10/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tô 3, P Tô Hiệu , TP Sơn La , Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050345933 Nơi cấp: Công an Sơn La Ngày cấp: 26/10/2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng TCDN Sở tài chính Sơn La
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1995 – 10/2001	Công ty Du lịch khách sạn Sơn La	Nhân viên
11/2001- 4/2008	Phòng kế hoạch Công ty sách thiết bị trường học tỉnh Sơn La	Nhân viên
5/2008- 01/2013	Phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Chuyên viên
01/2013- 02/2015	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp
01/2015-02/2016	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phụ Trách Phòng Tài chính doanh nghiệp
01/2015-nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Bì Thư Chi bộ III- thuộc Đảng ủy Sở Tài chính
04/2015 - nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Đảng ủy viên – Đảng ủy Sở Tài chính
01/2016 - nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Kiểm soát viên
02/2016 –nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp

- Hành vi vi phạm pháp luật: không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.4. Kế toán trưởng: Ông KIM NGỌC NHIỆM

- Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 01/09/1960
 - Nơi sinh: Chương Mỹ Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, phường Tô Hiệu, TP Sơn La
 - CMND số: 050217496 , Nơi cấp: CA Sơn La , Ngày cấp: 19/03/2010
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty CP VBIC Sơn La
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1979 -1987	C.ty cung ứng vật liệu XD Sơn La	Nhân viên kế toán
Từ năm 1988 -1994	Sở Xây dựng Sơn La	Nhân viên VP
Từ năm 1995 - 1996	C.ty xây CP xây dựng số 1 Sơn La	Nhân viên kế toán
Từ năm 1996 - 1997	C.ty CP xây dựng số 1 Sơn La	Kế toán trưởng
Từ năm 1998 đến nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật:
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ).
 - + Sở hữu cá nhân: : 10.740 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu chứng khoán của người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không
- ⚡ **Những thay đổi trong năm 2018:** Không có

2.5. Thống kê nhân sự

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng lao động đến ngày 31/12/2018
1	Trình độ đại học và trên đại học	38
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	69
3	Công nhân kỹ thuật	43
4	Lao động phổ thông	73
	TỔNG	223

✚ Chính sách đối với người lao động

- Về tiền lương.

Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm. Mức lương trung bình của Công ty năm 2017 là 8.1 triệu đồng/người/tháng; Năm 2018 là 8,2 triệu đồng/người/tháng.

- Về công tác đào tạo:

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự trau dồi kiến thức để phù hợp với nhu cầu tại Công ty Cổ phần sau cổ phần hóa nhằm sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ công nhân viên sẵn có cũng như theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội

- Về chính sách khen thưởng:

Công tác đời sống đối với CBCNV: Thực hiện đóng BHXH, BHTN, mua BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước. Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị BHLĐ cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

BÁO CÁO NGUỒN VỐN TÁI ĐẦU TƯ NĂM 2018					
TT	Diễn giải	Nguồn	Sử dụng	Còn lại	Ghi chú
1	Năm 2017 chuyển sang	2.856.489.424	-	2.856.489.424	
+	Nguồn khấu hao TSCĐ	(13.653.937.966)			
+	Nguồn Quỹ ĐTPPT	16.510.427.390			
2	Năm 2018	30.556.664.423	12.341.991.599	18.214.672.824	
2.1.	Trích khấu hao TSCĐ	18.916.163.717	-	-	
2.2.	Trích quỹ đầu tư PT	11.147.713.104	-	-	
+	Chuyển từ Quỹ dự phòng tài chính sang	647.713.104			
+	Trích từ lợi nhuận năm 2018	10.500.000.000			Trình ĐHCĐ 2019 thông qua
2.3.	Trả nợ gốc vay ngoại tệ	-	5.958.727.899	-	
2.4.	Chênh lệch tỷ giá tính vào giá thành	492.787.602	-	-	
2.5.	Đầu tư, mua sắm thiết bị, tài sản	-	6.383.263.700	-	
+	Trong đó:				
+	-Phương tiện vận tải truyền dẫn		2.457.981.009		PTVTTD
+	-Máy móc thiết bị		2.355.924.091		MMTB
	-Nhà cửa vật kiến trúc		1.488.794.600		NCVKT
	-Thiết bị quản lý		80.564.000		TBDCQL
	Cộng	33.413.153.847	12.341.991.599	21.071.162.248	

Ghi chú: Trong năm 2018 đã triển khai đầu tư mua sắm 1 số CT và thiết bị (Tuyển ống dọc kê suối, 1 số HT điều khiển trạm bơm...) nhưng chưa hoàn thành nên chưa quyết toán hình thành TS và chưa QT việc sử dụng vốn ĐT.

- Nguồn vốn tái đầu tư 2017 chuyển sang: 2,856 tỷ
- Khấu hao năm 2018: 18,916 tỷ
- Sử dụng Trả nợ ODA năm 2018: 5,958 tỷ
- Sử dụng cho đầu tư phát triển (Chưa kể DA chưa HT): 6,383 tỷ
- Còn lại: 21,071 tỷ

b) Các công ty con, công ty liên kết

- Tên công ty: Công ty cổ phần VBIC Sơn La
- Trụ sở chính: Số 55 đường Tô Hiệu – Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Mã số DN: 5500522701

- Cơ cấu nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Thành viên HĐQT
3	Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT
4	Trần Quyết Chiến	Trưởng Ban kiểm soát
5	Nguyễn Tiến Hán	Tổng Giám đốc

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Tổng giá trị tài sản	144.905.479.411	172.544.238.503
Doanh thu thuần	119.354.730.745	118.212.923.497
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.033.578.050	19.405.842.747
Lợi nhuận khác	309.399.699	404.869.437
Lợi nhuận trước thuế	13.342.977.749	19.810.712.184
Lợi nhuận sau thuế	12.413.785.956	17.768.756.749

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0.810	1.11
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0.506	0.92
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0.44	0.46
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0.791	0.87
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	7.034	9.84
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.82	0.68
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	%	10.40	15.03
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15.34	19.34
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10.92	16.41

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

⊕ Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	5.268.681	84,84
2	Cổ đông nhỏ	940.949	15,15
3	Cổ đông trong nước	6.209.630	100
4	Cổ đông nhà nước	1.241.925	20
5	Cổ đông tổ chức khác	4.026.756	64,84
6	Cổ đông cá nhân	940.949	15,15

Tên cổ đông lớn	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La		Đồi Khau Cả, thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La	1.241.925	20
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	0106517006 đăng ký lần đầu ngày 22/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Tầng 6, tòa nhà 57, Trần Quốc Toản, Hoàn Kiếm, Hà Nội (Người Đại diện: Nguyễn Trọng Hiếu)	4.026.756	64,84

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tiếp theo năm 2017, năm 2018 cũng là một năm mà điều kiện sản xuất của Công ty gặp khó khăn làm cho sản lượng nước thương phẩm liên tục tụt giảm. Nguyên nhân cụ thể là:

- Trong năm có nhiều ngày rét và mưa lũ. Rét làm cho nhu cầu sử dụng nước của người dân giảm.
- Mưa lũ đã tàn phá nặng nề các công trình thu và tuyến ống cấp nước ở một số huyện làm ngừng sản xuất và gián đoạn cấp nước trên diện rộng, cũng làm cho sản lượng giảm.
- Số khách hàng mới tăng trong năm không nhiều (2,7%), nhưng ngay trong số này thì lượng tách hộ, di chuyển sang vị trí mới cũng khá nhiều cho nên sản lượng nước thương phẩm thực sự không tăng tương ứng với số hộ mới tăng.
- Nhu cầu dùng nước của một số khách hàng lớn là các trường chuyên nghiệp đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh giảm nhiều do lượng sinh viên rất ít.
- Nhu cầu dùng nước trong hoạt động xây dựng cũng giảm nhiều so với trước đây. Do hầu hết các công trình xây dựng đã chuyển sang dùng bê tông trộn sẵn.

- Năm 2018 tình trạng ô nhiễm nguồn nước do chất thải sơ chế nông sản ở địa bàn Thành phố đã được hạn chế. Tuy nhiên trong năm 2018 và sang cả đến năm nay, tình trạng ô nhiễm nguồn nước vẫn còn xảy ra làm cho một số nhà máy nước phải ngừng hoạt động nhiều ngày:
 - + Nhà máy nước Nậm La:
 - Trong tháng 1/2018: có 13 ngày bị ô nhiễm, ngừng SX 149 giờ.
 - Trong tháng 2/2018: có 15 ngày bị ô nhiễm, ngừng SX 109 giờ.
 - Trong tháng 3/2018: có 06 ngày bị ô nhiễm, ngừng SX 35 giờ.
 - + Ngay đầu năm nay 2019, từ ngày 4/1 đến 21/1/2019 Nhà máy nước Nà Sản đã phải ngừng hoạt động 16 ngày liền (384 giờ) do ô nhiễm chất thải chế biến tinh bột sắn từ Trung tâm giáo dục lao động tỉnh.
- Khách hàng dùng 2 nguồn nước tăng trong 2 năm 2016-2017 đã ảnh hưởng nhiều đến sản lượng cấp nước. Sang năm 2018 lượng khách hàng khoan giếng đã giảm. Tuy nhiên lượng khách hàng này đang càng xu hướng dùng ngày càng ít đi.
- Cũng có cả nguyên nhân chủ quan trong công tác quản lý. Việc thực hiện quản lý khách hàng tại các đơn vị trong thời gian qua còn buông lỏng như: Không giám sát, kiểm tra kẹp chỉ đồng hồ khách hàng, có nhiều tuyến ống cấp ngược không lắp van 1 chiều có thể dẫn đến tụt giảm sản lượng như: can thiệp vào đồng hồ, đồng hồ quay ngược...
- Từ Phòng Quản lý khách hàng ở Công ty đến các đơn vị chưa làm tốt công tác phân tích, kiểm tra đối với các khách hàng bất thường để đưa ra các giải pháp xử lý cho phù hợp.
- Chế độ vận hành cấp nước ở các đơn vị chưa linh hoạt theo nhu cầu sử dụng của khách hàng cũng là nguyên nhân giảm sản lượng nước.

Mặc dù cũng còn nhiều khó khăn nhưng bằng sự nỗ lực chung của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, chúng ta đã đạt được những kết quả sau:

+ Tích cực đầu tư mới và cải tạo mạng lưới cấp nước, mở rộng địa bàn phục vụ ra vùng ven đô thị, cải thiện chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh.

+ Tuy xảy ra ô nhiễm, một số trạm xử lý phải ngừng hoạt động nhưng Công ty đã chuẩn bị tốt giải pháp ứng phó chủ động nên đã hạn chế sự ảnh hưởng xấu kéo dài đối với khách hàng.

+ Có nhiều cải tiến và ứng dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng nước, tiến đến cấp nước an toàn. Đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn.

+ Triển khai thực hiện tốt chủ trương thoái vốn nhà nước lần thứ 3 tại doanh nghiệp (6/2018).

+ Công tác quản trị đã có những cải tiến để phù hợp với Y/C đổi mới của doanh nghiệp.

+ Đã thực hiện tốt chủ trương của HĐQT về tinh giảm lực lượng lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Năm 2018, với chủ trương phát triển nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh của công ty; đảm bảo nguồn nhân lực công ty phù hợp về số lượng, dần nâng cao về chất lượng và cơ cấu đáp ứng tốt nhất với mục tiêu phát triển của công ty.

Thực hiện Nghị quyết số: 21/NQ-HĐQT ngày 24/5/2018 về tinh giảm lao động, và

Quyết định số: 131/QĐ-HĐQT ngày 18/6/2018 của HĐQT Công ty về việc ban hành Quy định giải quyết chế độ cho người lao động khi thực hiện sắp xếp lao động trong Công ty; Ban TGD đã chỉ đạo các phong ban, đoàn thể và các đơn vị xây dựng kế hoạch từng bước để thực hiện.

Trong năm 2018 Công ty đã thực hiện tốt chủ trương này, đã tinh giảm và thực hiện giải quyết chế độ cho 27 người lao động (không kể nghỉ hưu). Đến 31/12/2018 số lao động toàn Công ty còn 223 người (đầu năm 2018 là 265 người, giảm 40 người).

Sau khi tinh giảm Công ty đã thực hiện sắp xếp lại lao động, hợp lý hóa sản xuất. Công ty đã điều động, luân chuyển 30 CBCNV trong đó: Lãnh đạo quản lý 07 người; Chuyển sang Công ty VBIC 06 công nhân; Công nhân luân chuyển: 17 người.

+ Đánh giá chung năm 2018 tuy sản lượng và doanh thu chưa đạt như kế hoạch nhưng do quản lý sản xuất tốt đã tiết giảm chi phí khá nhiều. Sản xuất vẫn tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, tình hình tài chính ổn định lành mạnh. Nguồn vốn của Công ty được bảo toàn và phát triển. Công ty đã hoàn thành tốt nghĩa vụ với nhà nước, trả nợ các khoản vay đầy đủ; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo tiền lương thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động.

Kết quả sản xuất kinh doanh so với cùng kỳ

Theo số liệu Báo cáo tài chính 2018 đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán cho thấy tình hình tài chính của công ty là lành mạnh. Cụ thể:

- Tổng doanh thu đạt 118,2 tỷ đồng, bằng 99% so với 2017.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 19,8 tỷ đồng, tăng 48% so với 2017.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 17,76 tỷ đồng, tăng 43% so với 2017.
- Số nộp ngân sách là 25,97 tỷ, tăng 1,4% so với 2017.
- Thu nhập bình quân đầu người là 8,2 triệu đ/người-tháng, tăng 1,4% so với 2017.
- Cổ tức dự kiến chia 11 % (Có tờ trình của HĐQT để Đại hội đồng cổ đông quyết định).

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm 2018/2017	Ghi chú
1	Tổng tài sản	144.905.479.411	172.544.238.503	119.1	
	<i>Trong đó</i>				
+	Tài sản ngắn hạn	32.812.819.094	69.904.781.854	213%	
+	Tài sản dài hạn	112.092.660.317	102.639.456.649	91.6	
2	Tổng nguồn vốn	144.905.479.411	172.544.238.503	119.1	
	<i>Trong đó</i>				
+	Nợ phải trả	64.010.723.045	80.711.318.388	126.1	
+	Vốn chủ sở hữu	80.894.756.366	91.832.920.115	113.5	

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	40.467.155.972	63.2	62.738.679.660	77.73	55%
Nợ dài hạn	23.543.567.073	36.8	17.972.638.728	22.27	23.7
Tổng nợ phải trả	64.010.723.045	100	80.711.318.388	100	

3. Kế hoạch sản xuất năm 2019

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU NĂM 2019						
TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So 2018 (%)
A	SẢN XUẤT KINH DOANH					
I	Sản lượng					
1	Nước thương phẩm	m ³	10.130.187	10.049.305	10.192.700	101,4%
2	Số lượng khách hàng	hộ	49.422	50.758	51.500	101,5%
3	Nước lọc tinh khiết	bình	113.371	101.158	100.000	98,9%
II	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,14	11,44	10,50	
III	Tổng doanh thu	đồng	119.770.836.732	118.644.433.562	118.174.000.000	99,6%
III.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	đồng	119.354.730.745	118.212.923.497	118.174.000.000	100,0%
1	Cấp nước	"	112.963.036.185	112.174.840.389	113.775.000.000	101,4%
2	Lắp đặt nhỏ	"	2.891.561.784	2.652.932.426	2.691.000.000	101,4%
3	Dịch vụ bơi lội	"	575.527.254	376.242.727	389.000.000	103,4%
4	Nước lọc SOWA	"	1.513.134.722	1.334.389.346	1.319.000.000	98,8%
5	Xây dựng cơ bản	"	389.197.273	672.990.482		0,0%
6	Kinh doanh vật tư	"	164.991.727	500.897.727		0,0%
7	Quản lý, vận hành Trạm Nậm La	"	857.281.800	500.630.400		0,0%
2	Giá vốn hàng bán	đồng	92.640.044.776	86.711.927.591	86.683.000.000	100,0%
III.2	Doanh thu hoạt động Tài chính	đồng	38.569.114	1.887.652.785	1.888.000.000	100,0%
III.3	Thu nhập khác	đồng	416.105.987	431.510.065		

Trong đó :

- + Sản lượng cấp nước tăng 1,4 % so với năm 2018.
- + Tỷ lệ thất thoát giảm 0,93 % so với năm 2018.
- + Phát triển khách hàng mới tăng 1,4% so với năm 2018.
- + Doanh thu dịch vụ bơi lội tăng 3,4%.
- + Sản lượng và doanh thu nước lọc SOWA phần đầu giữ ổn định như năm 2018.
- + Lợi nhuận trước thuế gần 18 tỷ, tăng so với 2018 Lợi nhuận sau thuế giảm 10,5% với 2018.
- + Nghĩa vụ với ngân sách nhà nước tăng 1,4 % so với 2018.
- + Thực hiện nghị quyết ĐHCĐ 2018 V/V tăng vốn điều lệ lên 85 tỷ.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2019

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So 2018 (%)
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	13.342.977.749	19.810.712.184	19.237.000.000	97,1%
12	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	đồng	929.191.793	2.041.955.435	1.982.820.000	97,1%
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	12.413.785.956	17.768.756.749	17.254.180.000	97,1%
14	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.974	2.861	2.779	97,1%
15	Lãi suy giảm trên cổ phiếu		1.974	2.861	2.779	97,1%
16	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	"	30.104.938	234.260.894	72.424.643	30,9%
17	Lợi nhuận dùng để phân phối	"	12.443.894.842	18.003.017.643	17.326.604.643	96,2%
IV	Phân chia lợi nhuận	đồng	12.443.894.842	18.003.017.643	17.326.604.643	96,2%
1	Trích quỹ dự phòng	"	0	0		
2	Trích quỹ đầu tư PT	"	6.000.000.000	10.500.000.000	8.500.000.000	81,0%
3	Trích quỹ khen thưởng, PL	"	0	600.000.000	200.000.000	33,3%
4	Trả cổ tức	"	6.209.630.000	6.830.593.000	8.500.000.000	124,4%
	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	10	11	10	
5	Lợi nhuận chuyển năm sau	"	234.264.842	72.424.643	126.604.643	
V	Vốn điều lệ	đồng	62.096.300.000	62.096.300.000	85.000.000.000	136,9%
B	NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH	đồng	25.625.219.437	25.974.738.025	25.222.000.000	97,1%
1	Nộp thuế VAT	"	6.665.476.548	6.960.813.383	6.759.000.000	97,1%
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	đồng	769.289.208	2.041.955.435	1.983.000.000	97,1%
3	Nộp các sắc thuế khác	đồng	2.857.503.616	2.124.460.338	2.063.000.000	97,1%
4	Nộp các khoản bảo hiểm	đồng	6.455.096.340	6.075.087.682	5.899.000.000	97,1%
5	Các khoản nộp khác	đồng	8.877.853.725	8.772.421.187	8.518.000.000	97,1%
	Giá dịch vụ thoát nước	"	8.306.753.340	8.223.441.900	7.985.000.000	97,1%
	Phí nước thải công nghiệp	"	44.330.661	26.415.427	26.000.000	98,4%
	Phí dịch vụ môi trường rừng	"	526.769.724	522.563.860	507.000.000	97,0%
C	TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI	đồng	6.573.685.343	6.532.322.510	6.532.000.000	100,0%

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

1.1. Những mặt làm được

Đánh giá chung trong năm SXKD hiệu quả, năng suất lao động tăng, tiết kiệm chi phí, đạt và vượt mức lợi nhuận và cổ tức như kế hoạch đề ra; Triển khai các dự án đầu tư mở rộng với quyết tâm cao, tiến độ thi công nhanh, sớm đưa các công trình vào sử dụng, quyết toán và hạch toán

- Sản lượng nước thương phẩm đạt 10.049 triệu m³.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 118.2 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế đạt 19.8 tỷ
- Tỷ lệ thất thoát cả năm đạt 11.44%
- Số hộ khách hàng đạt 50.758 hộ
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, thực hiện chế độ BHXH, BHYT cho người lao động đầy đủ, đúng quy định.
- Công tác cấp nước an toàn: Đảm bảo áp lực, lưu lượng, thời gian; Đạt chất lượng theo quy chuẩn quy định.
- Chủ động, tích cực tham gia xây dựng thể chế. Quản lý tài sản của nhà đầu tư an toàn, minh bạch.

1.2. Những mặt chưa làm được

- Sản lượng nước thương phẩm chưa đạt kế hoạch năm
- Nhiều hộ khách hàng lớn và khách hàng vùng ven, khách hàng tiếp giáp vùng phục vụ của nước sạch nông thôn khoan giếng tăng, giảm sản lượng sử dụng hoặc chưa sử dụng
- Sản xuất nước lọc đóng bình, dịch vụ hồ bơi chưa đạt kế hoạch năm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

2.1. Về công tác điều hành

- Năm 2018, Ban giám đốc được HĐQT phê duyệt bổ sung thêm nhân sự. Theo đó tháng 7/2018 ông Phạm Ngọc Dũng được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc.
- Ban Tổng Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Hàng tháng báo cáo HĐQT tình hình SXKD thông qua giao ban, kịp thời đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.
- Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.2. Về sản xuất kinh doanh:

- Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định.

2.3. Về chính sách đối với người lao động:

- Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.
- Quyền lợi của người lao động của Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ, kê khai nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động kịp thời.
- Chính sách đối với người lao động: Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước.

2.4. Về chấp hành pháp luật:

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

3. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019
1	Sản lượng nước thương phẩm	M3	10.192.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	10.5 %
3	Số hộ khách hàng	Hộ	51.500
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	118.174.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	17.254.180.000
6	Sửa chữa, đầu tư phát triển	Đồng	14.550.000.000
7	Trả nợ nước ngoài	Đồng	6.532.000.000
8	Thu nhập bình quân	Đồng	8.500.000
9	Chia cổ tức	%	10

Kế hoạch đầu tư phát triển, sửa chữa:

- Đầu tư xây dựng cơ bản:
- + Trụ sở văn phòng chi nhánh cấp nước Thuận Châu

- + Trụ sở văn phòng công ty
- + Lắp đặt hệ thống Lamén và bổ sung 1 bình lọc áp lực trạm Suối Ngọt, Phù Yên.
- Mua sắm máy móc thiết bị
- + Hệ thống biến tần, tủ điện (Trạm Huồi Hin, Chiềng Ngần, Quỳnh Nhai)
- + Máy bơm định lượng hóa chất
- + Hệ thống giám sát chất lượng nước online (Sông Mã, Thuận Châu, Quỳnh Nhai)
- + Máy bơm dự phòng phục vụ sản xuất (cả máy chìm và máy nổi)
- + Thiết bị phòng thí nghiệm.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 14/12/2015. HĐQT đã tiến hành họp để bầu và nghị quyết chức danh Chủ tịch HĐQT và các chức danh Ban Tổng giám đốc công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức ngày 27/01/2018 đã đồng ý bãi nhiệm ông Nguyễn Tiến Hán, ông Hoàng Sỹ Thành và bầu bổ sung ông Nguyễn Văn Tồn, ông Lê Văn Tuấn tham gia Hội đồng quản trị.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Bùi Văn Đính	Thành viên
5	Nguyễn Văn Tồn	Thành viên
6	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
7	Lê Văn Tuấn	Thành viên

Năm 2018, HĐQT đã quản lý và điều hành công ty theo đúng các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và triển khai nghị quyết của ĐH đồng cổ đông. HĐQT đã tổ chức 15 cuộc họp theo định kỳ và đột xuất, hàng tháng HĐQT tham gia chỉ đạo họp giao ban để nghe Ban Tổng giám đốc và các đơn vị SX báo cáo và kiến nghị đề xuất các vấn đề liên quan hoạt động SXKD, kịp thời ra các quyết định phù hợp.

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên,

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Quyết Chiến	Trưởng ban
2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Nguyễn Quang Huy	Thành viên

Trong năm 2018 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định

của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm

tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,... của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Tổng Giám đốc ký hợp đồng kiểm toán độc lập với Công ty TNHH kiểm toán A&C để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017, đến nay đã thực hiện xong việc kiểm toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cả năm 2017.

- Ban kiểm soát đã tổ chức họp hàng quý theo quy chế.

Ban kiểm soát chỉ có 1 thành viên chuyên trách, các thành viên khác hoạt động kiêm nhiệm và phân tán, do đó việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát có phần bị hạn chế.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

✚ **Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính**

- Kết quả sản xuất kinh doanh:

- + Sản lượng nước thương phẩm đạt 10.049 triệu m³.
- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 118.2 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế đạt 19.8 tỷ
- + Tỷ lệ thất thoát cả năm đạt 11.44%
- + Số hộ khách hàng đạt 50.758 hộ

✚ **Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và Ban quản lý Công ty trong năm 2018.**

• **Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:**

- HĐQT Công ty đã lãnh đạo, điều hành các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, đề ra được chiến lược phát triển, các kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn, các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản

cho từng quý và định hướng cho Ban tổng giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty. Đã xây dựng kế hoạch phát triển và chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty đúng theo điều lệ và các quy định của pháp luật trên cơ sở quyền lợi của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và nghĩa vụ với nhà nước.

- Các mặt hạn chế:

- Các thành viên HĐQT ở xa Công ty, nên việc lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp phần nào bị hạn chế.

- Các quyết định vay tiền và cho vay không gây thiệt hại về mặt tài chính đối với công ty, tuy nhiên Kiểm toán độc lập đã lưu ý về khoản vay này trên báo cáo kiểm toán năm.

- Một số công việc phân công giữa các thành viên HĐQT hoàn thành không đúng tiến độ hoặc chưa triển khai đúng tiến độ:

+ Đi thực tế và xem xét chi tiết đơn giá khoán các đơn vị.

+ Rà soát các hạng mục sửa chữa, đầu tư phục vụ sản xuất.

+ Đăng ký giao dịch chứng khoán với Sở giao dịch chưa hoàn thành do vướng mắc báo cáo tài chính cần giải thích điểm lưu ý.

• **Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:**

- Bám sát, Chấp hành và tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT điều hành Công ty hoạt động ổn định:

- Lợi nhuận tăng 145% so với kế hoạch, Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ vận hành sản xuất kinh doanh mảng cấp nước mang lại hiệu quả: Cơ bản đã hoàn tất các danh mục công trình đầu tư theo Nghị quyết HĐQT;

- Duy trì tỷ lệ thất thoát song song với việc giảm chi phí sửa chữa.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Chương trình cấp nước an toàn: Chất lượng nước được duy trì, đảm bảo theo quy định, tuy còn một số ý kiến của khách hàng nhưng không nhiều.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành mang lại hiệu quả trong quản lý, giảm tỷ lệ thất thoát.

- Bên cạnh kết quả đạt được, cũng còn một số tồn tại cần tiếp tục triển khai đó là:

+ Đăng ký giao dịch chứng khoán, hiện đã hoàn thành đăng ký lưu ký chứng khoán, đang tiếp tục triển khai đăng ký giao dịch, tạo điều kiện cho các cổ đông chuyển quyền sở hữu cổ phiếu

+ Sản lượng nước thương phẩm tăng trưởng âm cần có các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng sản lượng.

• **Kết quả giám sát hoạt động của Ban lãnh đạo các đơn vị trực thuộc:**

Ban lãnh đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc công ty, lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt kế hoạch SXKD, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

• **Kết quả giám sát hoạt động tài chính kế toán**

Công tác tài chính kế toán cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh, phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động trong năm tài chính về doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, các khoản phải thu, các khoản phải trả.

Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm, hàng quý chưa được thực hiện; Kế toán quản trị

mới đáp ứng được một phần yêu cầu quản lý.

- **Kiến nghị.**

- Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính ĐHCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả. Các dự án phải có đề án phân tích hiệu quả đầu tư, thu hồi vốn.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể; duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chương trình chống thất thoát và duy trì và nâng cao chất lượng nước, nâng cao dịch vụ cấp nước.

- Có phương án giải quyết hợp lý các khoản vay Công ty cổ phần nước sạch Hòa Bình, của cán bộ công nhân viên và các khoản cho Công ty SVBIC vay, nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng vốn đồng thời làm lành mạnh tình hình tài chính.

- **Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:**

Ban kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát tập trung thực hiện kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty.

Giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Kiểm soát hoạt động của Công ty thông qua việc tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty.

Chuẩn bị thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán, phối hợp với HĐQT ký hợp đồng kiểm toán theo phương án được lựa chọn.

Trực tiếp thực hiện công tác kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính năm 2019 kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh kịp thời đối với các nội dung tồn tại trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018

Trực tiếp kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Xem xét ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc công ty, của các cổ đông và người lao động tại các phòng ban và đơn vị trực thuộc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát đến ngày 31/12/2018

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao kế hoạch	Lũy kế tạm ứng từ đầu năm	Thanh toán bổ sung
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	124,800,000	98,400,000	26,400,000
2	Lương Thế Công	Phó chủ tịch HĐQT	71,800,000	57,600,000	14,200,000
3	Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT	71,800,000	57,600,000	14,200,000
4	Nguyễn Văn Tồn	Thành viên HĐQT	71,800,000	57,600,000	14,200,000
5	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	71,800,000	57,600,000	14,200,000
6	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên HĐQT	71,800,000	57,600,000	14,200,000
7	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	71,800,000	57,600,000	14,200,000
8	Trần Quyết Chiến	Trưởng Ban kiểm soát	22,900,000	18,000,000	4,900,000
9	Bùi Hồng Nam	Th/viên Ban kiểm soát	49,100,000	39,600,000	9,500,000
10	Nguyễn Quang Huy	Th/viên Ban kiểm soát	49,100,000	39,600,000	9,500,000
	Cộng		676.700.000	541,200,000	135,500,000

VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**1. Về môi trường.**

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề quan trọng và ưu tiên bậc nhất đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Mọi quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện qua những chương trình, chính sách hướng tới phát triển nền kinh tế xanh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chung tay góp phần bảo vệ môi trường xanh và phát triển Cộng đồng là một trong những nội dung ưu tiên trong sự phát triển lâu dài của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La. Công ty tin rằng sự phát triển kinh tế phải đi liền với bảo vệ môi trường và Cộng đồng xã hội, có như vậy nền kinh tế mới có thể phát triển bền vững và lâu dài. Những năm qua, Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La luôn xem công tác an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các công tác như:

Trong công tác xây lắp, sửa chữa những năm qua Công ty đã thực hiện các chính sách về sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu cho mỗi công trình thông qua việc tăng cường kiểm tra chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào tránh sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào

với phẩm cấp thấp. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra giám sát về định mức sử dụng vật liệu cho mỗi công trình được tăng cường nhằm đảm bảo các công trình sử dụng đầu vào theo định mức kế hoạch đã đề ra từ ban đầu. Công tác giáo dục cho người lao động cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho anh em công nhân.

Công ty còn thực hiện nhiều biện pháp khác để bảo vệ môi trường như: quản lý và xử lý nước thải, bùn thải, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như điện, nước ... Ngoài ra, Công ty còn phát động các phong trào như Xanh – Sạch – Đẹp đối với các đơn vị, xí nghiệp trực thuộc tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường, tạo môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

2. Về xã hội

- Trách nhiệm với người lao động.

Năm 2018, công tác chăm lo cho đời sống người lao động luôn được Công ty tập trung chú trọng. Không chỉ thực hiện đầy đủ các thỏa ước trong hợp đồng lao động, Công ty còn nỗ lực tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Ngoài ra, Ban giám đốc, Công đoàn công ty cũng thường xuyên thăm hỏi tìm hiểu hoàn cảnh khó khăn của từng cán bộ công nhân viên trong Công ty để đưa ra các biện pháp giúp đỡ kịp thời để mỗi người lao động có thể an tâm công tác tại Công ty. Công tác lương thưởng, Bảo hiểm xã hội, v.v... được Công ty thanh toán, đóng góp đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, tổ chức tham quan du lịch nhằm khuyến khích người lao động, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất lao động.

- Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện các trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng như các hoạt động từ thiện, ủng hộ gia đình gặp khó khăn, tổ chức quyên góp, ủng hộ các gia đình đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ và ủng hộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Sơn La, ngày 15 tháng 03 năm 2019

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Đính